CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi

Ngày 30/06/2025	22,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.2%	**11.7%**	**6.2%**

DT thuần
Q2/25
96.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.20| 4.6%
YoY: ▼15.8| -14.1%

LN thuần
Q2/25
23.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.30| 22.2%
YoY: ▲ 6.10| 34.7%

LN sau thuế
Q2/25
20.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.00| 32.2%
YoY: ▲ 6.20| 43.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
27.8%
YoY: +/-▲ 6.8%

ROE (TTM)
Q2/25
15.8%
YoY: +/-▲ 1.4%

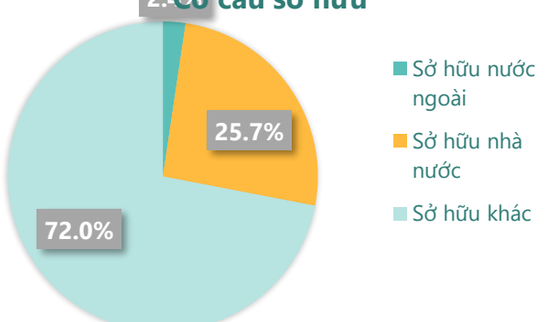
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,489 - 23,568
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	402
Số lượng CPLH (CP)	17,541,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,280
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	0.48
EPS	2,433
P/E	9.4

DT thuần
6T 2025
188
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.0| -13.3%

LN thuần
6T 2025
43.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.7| 32.8%

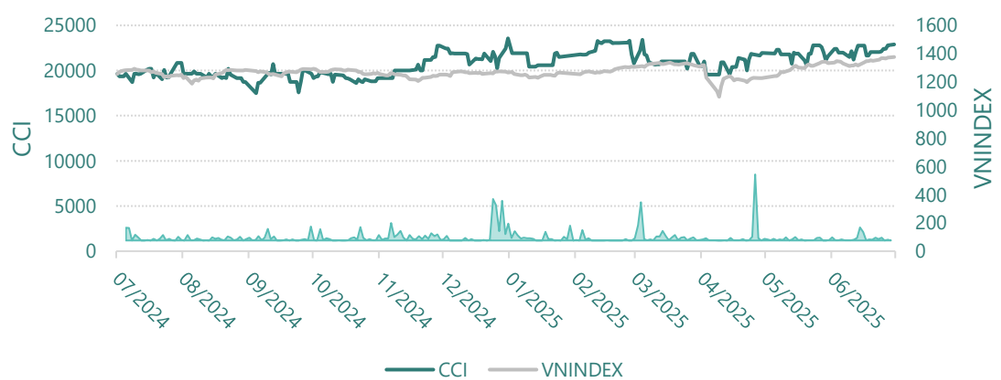
LN sau thuế
6T 2025
36.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.90| 37.7%

Cơ cấu sở hữu

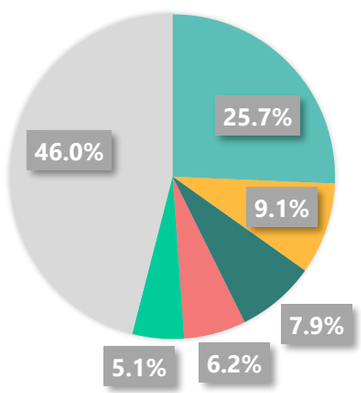


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



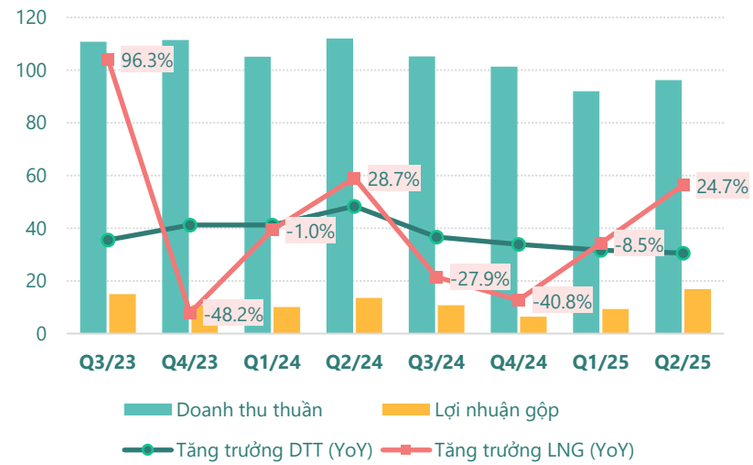
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

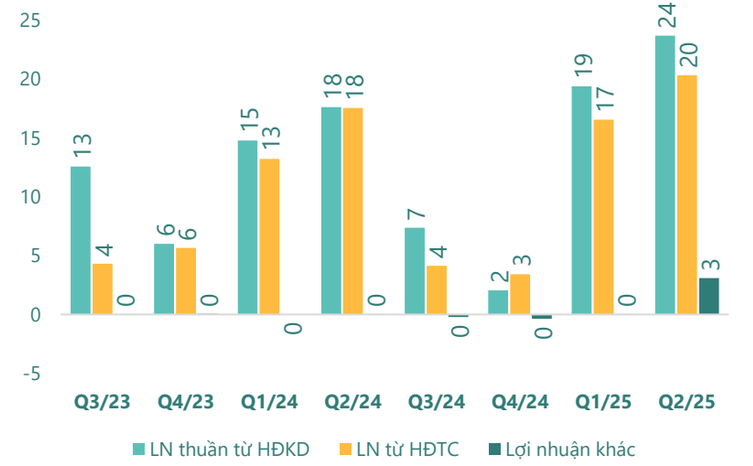
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



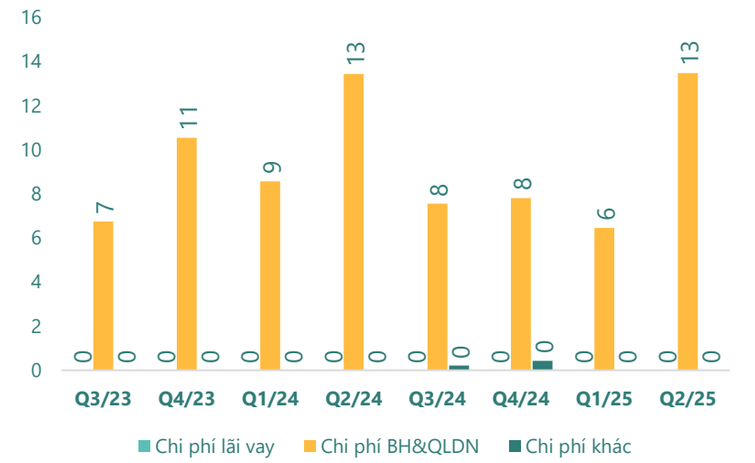
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



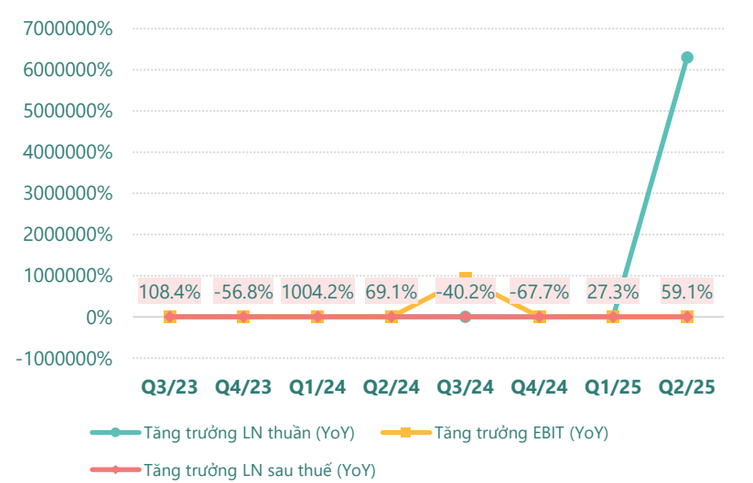
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



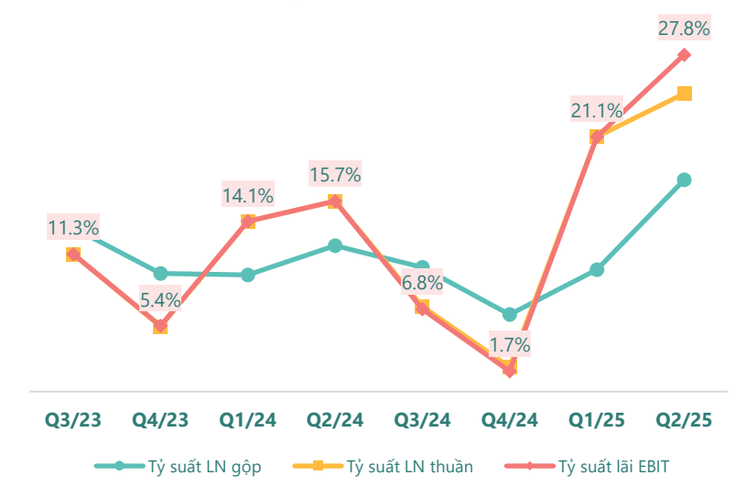
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



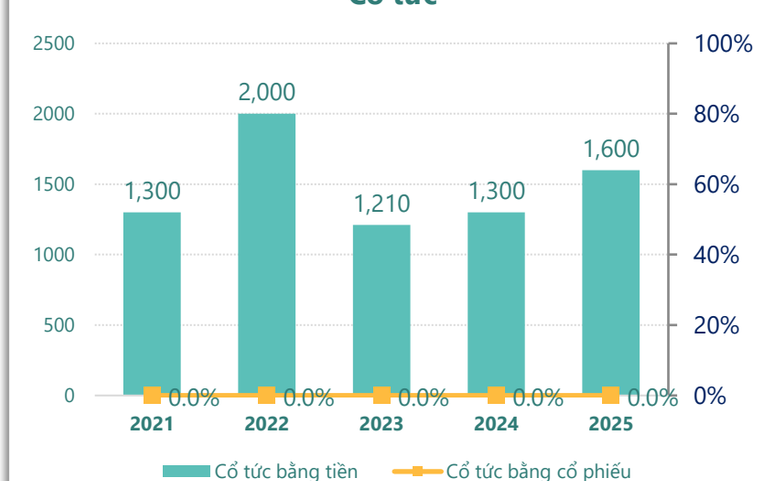
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

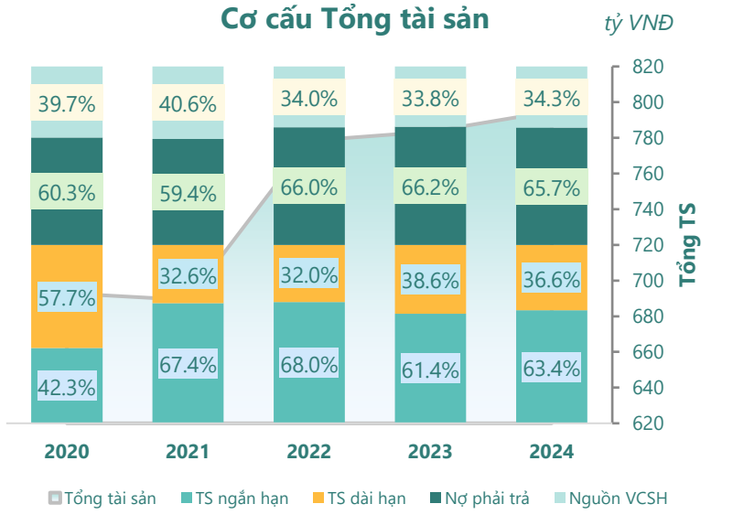
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

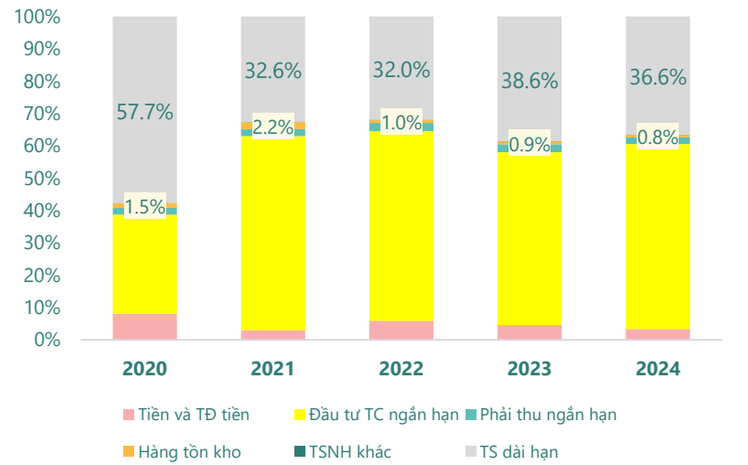
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



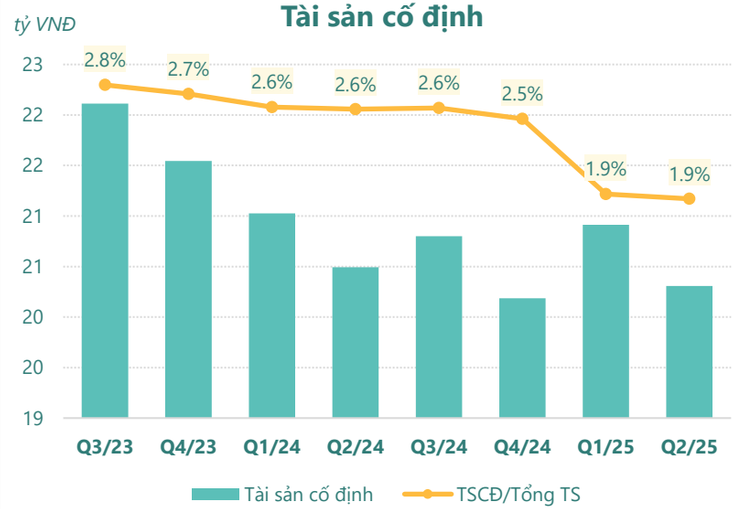
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



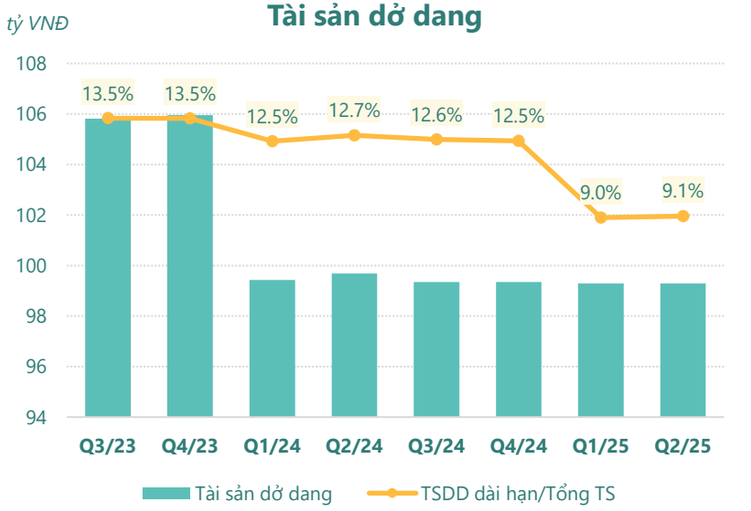
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



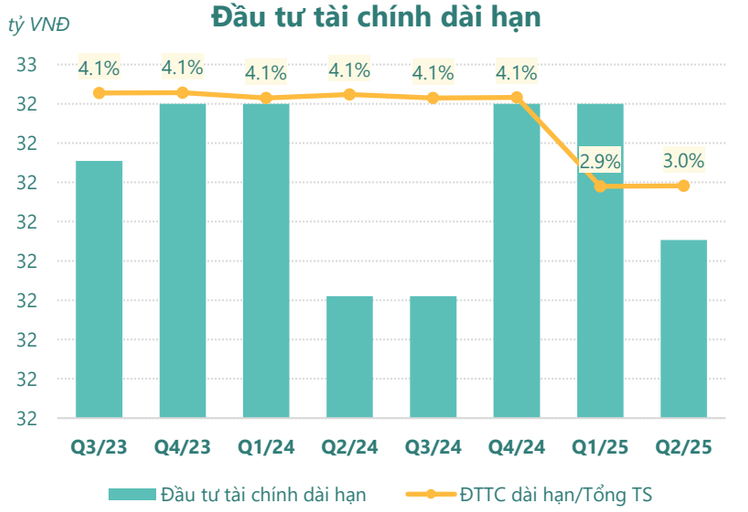
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



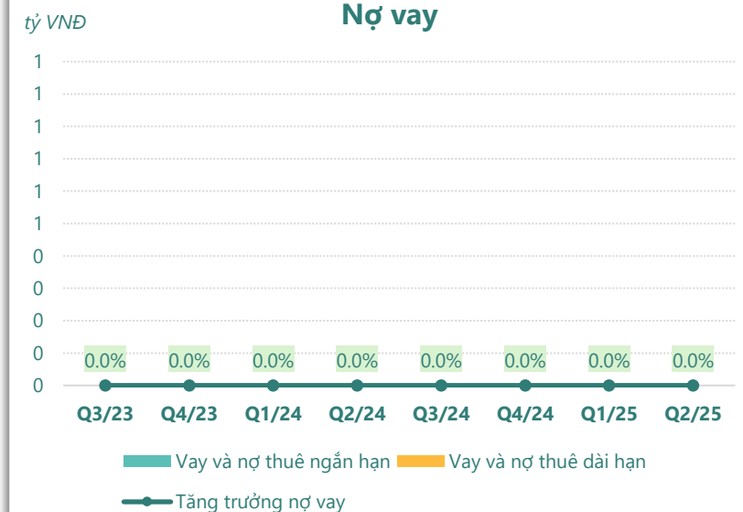
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

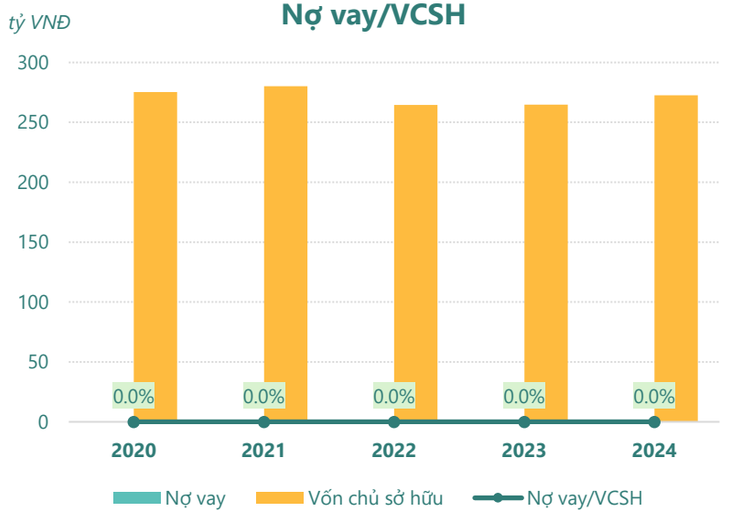
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

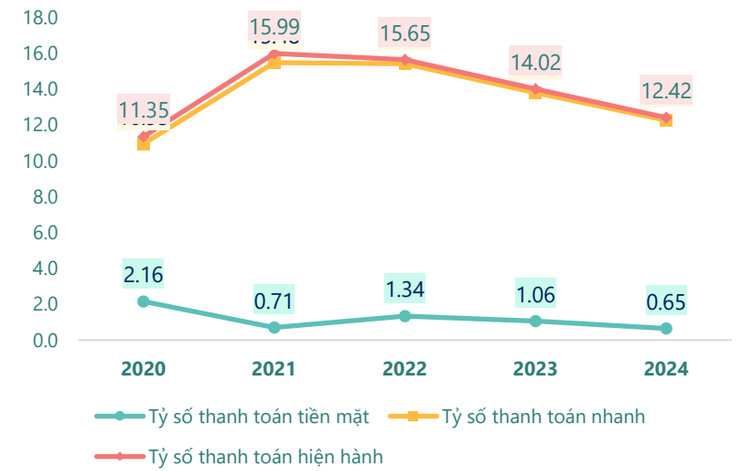
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



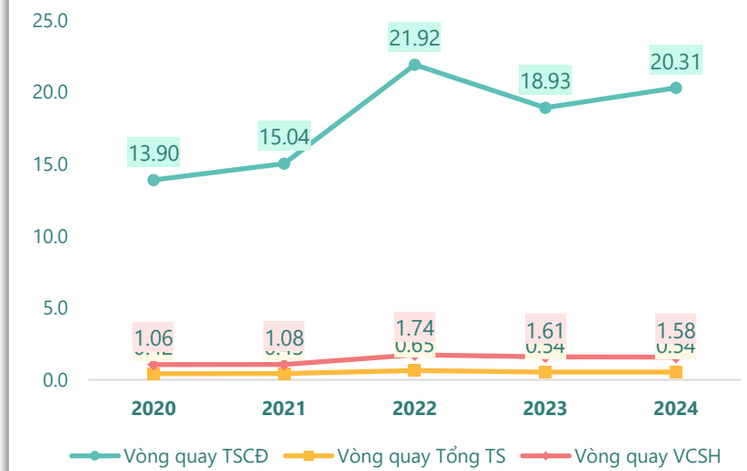
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



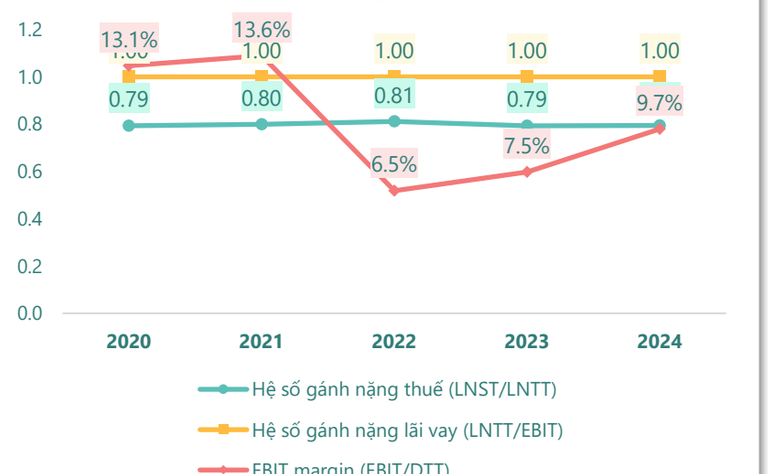
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



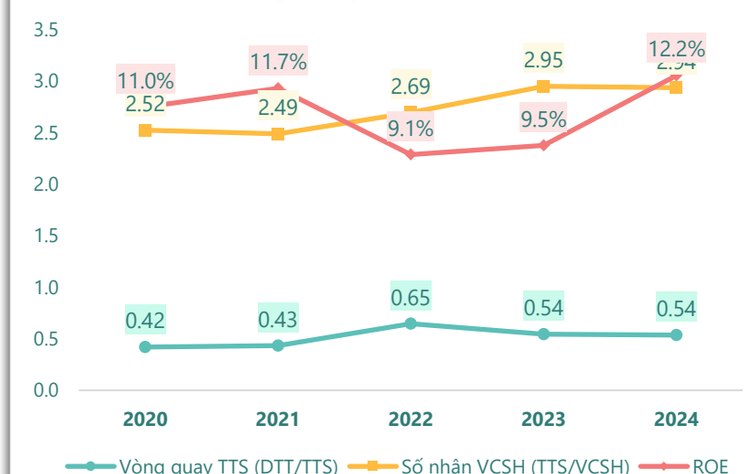
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



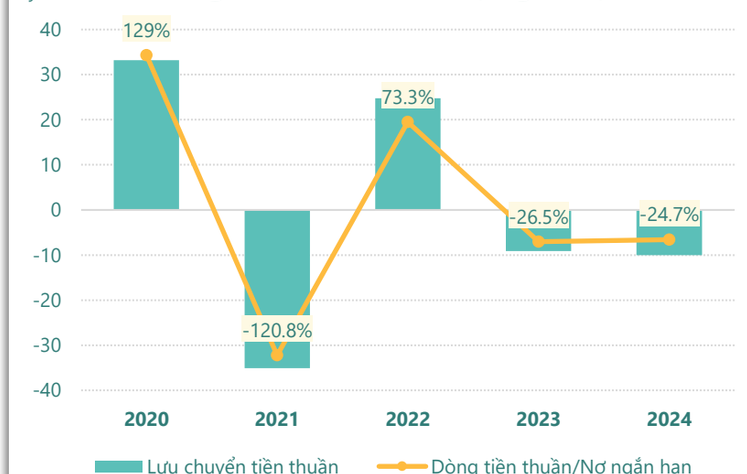
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**96.2**	**112**	**-14.1%**	**188**	**217**	**-13.3%**
Giá vốn hàng bán	79.4	98.5	-19.4%	162	194	-16.2%
Lợi nhuận gộp	16.8	13.5	24.7%	26.1	23.6	10.5%
Doanh thu HĐTC	13.1	5.83	124%	22.5	11.4	97.0%
Chi phí TC	-7.26	-11.7	37.9%	-14.4	-19.4	25.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.05	4.41	105%	11.6	8.15	42.5%
Chi phí QLDN	**4.43**	**9.02**	**-50.9%**	**8.31**	**13.8**	**-40.0%**
LN thuần từ HĐKD	23.7	17.6	34.7%	43.1	32.4	32.8%
Lợi nhuận khác	**3.09**	**0.00**		**3.09**	**-0.01**	**35232%**
LN trước thuế	26.8	17.6	52.2%	46.2	32.4	42.4%
Lợi nhuận sau thuế	**20.5**	**14.3**	**43.3%**	**36.0**	**26.1**	**37.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.5**	**14.3**	**43.3%**	**36.0**	**26.1**	**37.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.40	10.3	14.8	3.11	294	17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.6	-16.4	-16.0	-3.06	-265	3.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-23.0	-0.01	-0.01	0	-27.4
Tiền đầu kỳ	36.4	56.6	27.5	26.3	26.3	54.6
Lưu chuyển tiền thuần	**20.2**	**-29.1**	**-1.21**	**0.04**	**28.2**	**-6.42**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	56.6	27.5	26.3	26.3	54.6	48.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,092**	**795**	**37.3%**
Tài sản ngắn hạn	811	504	60.9%
Tiền và tương đương tiền	48.2	26.3	82.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	724	455	59.3%
Phải thu ngắn hạn	35.7	16.5	116%
Hàng tồn kho	2.43	6.18	-60.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.20	0.08	138%
Tài sản dài hạn	**281**	**291**	**-3.5%**
Phải thu dài hạn	0.30	0.19	60.3%
Tài sản cố định	20.3	20.2	0.6%
Bất động sản đầu tư	118	123	-3.8%
Tài sản dở dang	99.3	99.4	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.3	32.5	-0.5%
Tài sản dài hạn khác	**10.3**	**15.7**	**-34.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	816	522	56.2%
Nợ ngắn hạn	**46.6**	**40.6**	**14.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.35	4.42	-92.1%
Nợ dài hạn	769	482	59.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**276**	**273**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**276**	**273**	**1.1%**
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)